

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƠN THÀNH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ung Thị Ngọc Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Xuân Đính  
2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Chị H, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước

*Bị đơn:* Ngô Thế S, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 01 năm 2021. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Chị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chị H và anh Ngô Thế S chung sống với nhau vào năm 2014 đến năm 2015 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong tất cả mọi việc, về nuôi con, tiền bạc, hôn nhân

không hòa hợp. Anh S sử dụng ma túy chị H nhiều lần nhắc nhở nhưng anh không thay đổi. Năm 2018 anh S bị bắt vì tội buôn bán trái phép chất ma túy và đi chấp hành án luôn cho tới nay. Chị H phải một mình làm việc nuôi con, gánh vác gia đình và chu cấp cho anh S. Nay chị H thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh S

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Ngô Hoài A sinh ngày 20/11/2014, Ngô Nhật P sinh ngày 29/5/2018 hiện đang sống cùng chị H. Nay ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2021 bị đơn anh Ngô Thế S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh S thống nhất với chị H về việc vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn trong tình cảm và không còn yêu thương nhau. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh S đồng ý.

Về con chung: Anh S thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Ngô Hoài A sinh ngày 20/11/2014, Ngô Nhật P sinh ngày 29/5/2018. Anh S đồng ý giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn chị H và bị đơn anh Ngô Thế S xin xét xử vắng mặt không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các 70, 71, 72 và Điều 234 của BLTTDS.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Chị H và anh Ngô Thế S đình chung sống với nhau vào năm 2014 đến năm 2015 đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy anh chị thường xuyên mâu thuẫn và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Chị H được ly hôn với anh Ngô Thế S.

Về con chung: Chị H, anh S có 02 con chung tên Ngô Hoài An sinh ngày 20/11/2014, Ngô Nhật Phong sinh ngày 29/5/2018 hiện con đang sống chị H. Chị H có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và anh S cũng thống nhất. Xét thấy đây sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận giao cả 02 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Chị H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn anh Ngô Thế S hiện có nơi cư trú tại tổ 5, ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Chị H và bị đơn anh Ngô Thế S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

### ***Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chị H, Hội đồng xét xử xét thấy:***

[4] Chị Chị H và anh Ngô Thế S tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2014 đến năm 2015 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án chị H cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong tất cả mọi việc, về nuôi con, tiền bạc, hôn nhân không hòa hợp. Anh S sử dụng ma túy chị H nhiều lần nhắc nhở nhưng anh không thay đổi. Năm 2018 anh S bị bắt vì tội buôn bán trái phép chất ma túy và đi chấp hành án luôn cho tới nay. Chị H phải một mình làm việc nuôi con, gánh vác gia đình và chu cấp cho anh S. Anh S cũng thống nhất với chị H về việc vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn trong tình cảm, không còn yêu thương nhau và đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh S, chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh S.

[6] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị H, anh S có 02 con chung tên Ngô Hoài A sinh ngày 20/11/2014, Ngô Nhật P sinh ngày 29/5/2018 hiện con đang sống chị H. Nay ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và anh S cũng đồng giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Đây sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên cần được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị H phải chịu là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh Ngô Thế S
2. *Về nuôi con chung*: Giao 02 con chung tên Ngô Hoài A sinh ngày 20/11/2014, Ngô Nhật P sinh ngày 29/5/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002723 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã M –huyện C-Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ung Thị Ngọc Thanh**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Xuân Thiều    Nguyễn Việt Thành**

**Ung Thị Ngọc Thanh**

